BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11 /2015/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015*

THÔNG TƯ
Quy định đánh giá rủi ro đối với thủy sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2003;

Căn cứ Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định đánh giá rủi ro đối với thủy sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Thông tư này quy định về nội dung, phương pháp đánh giá rủi ro và quản lý đối với thủy sản sống nhập khẩu vào Việt Nam làm thực phẩm bao gồm các loài thủy sản chưa có tên trong các Danh mục sau: Danh mục các loài thủy sản sống được phép nhập khẩu làm thực phẩm; Danh mục loài ngoại lai xâm hại; Danh mục loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý, các tổ chức, cá nhân có hoạt động trực tiếp hoặc có liên quan đến nhập khẩu, kinh doanh thủy sản sống dùng làm thực phẩm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Rủi ro" là khả năng gây ra các tác động có thể có hại đối với đa dạng sinh học, môi trường và con người từ các hoạt động vận chuyển, bảo quản, lưu giữ, chế biến, tiêu thụ thủy sản sống nhập khẩu làm thực phẩm.

2. "Nguy cơ xâm hại" là các rủi ro hiện hữu, nếu xảy ra sẽ có hại đối với đa dạng sinh học, môi trường và con người từ các hoạt động vận chuyển, bảo quản, lưu giữ, chế biến, tiêu thụ thủy sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm.

3. "Đánh giá rủi ro thủy sản sống" nhập khẩu vào Việt Nam làm thực phẩm (sau đây gọi là đánh giá rủi ro) là các hoạt động nhằm xác định những tác động bất lợi có thể xảy ra đối với con người và môi trường trong các hoạt động có liên quan đến thuỷ sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm.

4. "Thủy sản sống" là các loài động vật, thực vật thuỷ sản còn có khả năng sinh trưởng và phát triển.

5. "Thủy sản sống làm thực phẩm" là các loài động vật, thực vật thủy sản sống sử dụng để làm thực phẩm cho con người.

Chương II
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THỦY SẢN SỐNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM

Điều 4. Nội dung và phương pháp đánh giá rủi ro

1. Nội dung đánh giá rủi ro

a) Khả năng tồn tại trong môi trường, vùng sinh thái tại Việt Nam .

b) Khả năng trở thành vật dữ, xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại và khả năng cạnh tranh thức ăn đối với các loài thủy sản bản địa.

c) Khả năng lai tạp của thủy sản nhập khẩu với các loài thủy sản bản địa.

d) Nguy cơ phát tán mầm bệnh cho thủy sản bản địa, con người.

(Các tiêu chí chính để đánh giá rủi ro theo các nội dung trên quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư)

2. Phương pháp đánh giá rủi ro

a) Đánh giá theo phương pháp chuyên gia: là phương pháp thu thập và xử lý những đánh giá dự báo bằng cách tập hợp và hỏi ý kiến các chuyên gia. Qua

đó, đưa ra những kết luận khách quan về đối tượng thủy sản sống nhập khẩu làm thực phẩm.

b) Đánh giá dựa vào hồ sơ do tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá rủi ro cung cấp về đặc điểm sinh trưởng, sinh sản, tập tính sống, tính ăn và bệnh thường gặp trên đối tượng được đánh giá so với các tài liệu về đặc điểm sinh học của đối tượng đánh giá rủi ro đã được công bố rộng rãi.

Điều 5. Hội đồng đánh giá rủi ro

1. Tổ chức Hội đồng

a) Hội đồng là tổ chức do Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản thành lập để tư vấn cho Tổng cục trưởng đưa ra kết luận về việc cho nhập hay không cho nhập các loài thủy sản sống và kiến nghị các biện pháp quản lý rủi ro phải thực hiện đối với loài thủy sản nhập khẩu làm thực phẩm.

b) Hội đồng gồm 7-9 thành viên gồm có Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy viên thư ký, Ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Thành viên Hội đồng là các chuyên gia có kiến thức và kinh nghiệm về các lĩnh vực như ngư loại học, đa dạng sinh học, môi trường, nuôi trồng thủy sản, bệnh thủy sản có ít nhất 03 năm kinh nghiệm.

2. Hoạt động của Hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính khoa học, tính chính xác đối với những ý kiến nhận xét, đánh giá độc lập và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

b) Phiên họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng triệu tập và phải đảm bảo có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì uỷ quyền Phó chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp.

c) Hội đồng có thể mời đại diện tổ chức, cá nhân nhập khẩu thủy sản sống làm thực phẩm tham dự phiên họp để cung cấp bổ sung thông tin, trả lời chất vấn của các thành viên Hội đồng.

d) Hội đồng có nhiệm vụ tiến hành đánh giá rủi ro thủy sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm theo các nội dung và phương pháp quy định tại Điều 4 Thông tư này. Hội đồng đưa ra kết luận và kiến nghị các biện pháp quản lý rủi ro phải thực hiện đối với loài thủy sản sống được Hội đồng kết luận không có nguy cơ xâm hại, đủ điều kiện nhập khẩu làm thực phẩm (Mẫu Báo cáo đánh giá rủi ro quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư).

3. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng

a) Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng, có ý kiến nhận xét bằng văn bản cụ thể.

b) Quản lý tài liệu được cung cấp, đảm bảo không thất thoát, không chuyển thông tin cho bên thứ ba và nộp lại các tài liệu này theo yêu cầu của Tổng cục Thủy sản sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Kinh phí hoạt động

Kinh phí cho hoạt động của Hội đồng do tổ chức, cá nhân nhập khẩu thủy sản sống chi trả theo quy định tại Quy chế quản lý đề tài, dự án khoa học công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 36/2006/QĐ-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III
QUẢN LÝ THỦY SẢN SỐNG ĐƯỢC CẤP PHÉP NHẬP KHẨU DÙNG LÀM THỰC PHẨM

Điều 6. Yêu cầu chung

1. Các hoạt động nhập khẩu, kinh doanh thuỷ sản sống dùng làm thực phẩm phải tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp phòng ngừa, xử lý và khắc phục rủi ro trong Kế hoạch quản lý giám sát hàng nhập khẩu được Tổng cục Thủy sản phê duyệt.

2. Trường hợp xảy ra rủi ro trong các hoạt động nhập khẩu, kinh doanh thủy sản sống, dẫn tới loài thủy sản của lô hàng nhập khẩu có khả năng trở thành vật dữ, xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại, cơ sở nhập khẩu, vận chuyển, bảo quản, lưu giữ, chế biến, tiêu thụ lô hàng phải kịp thời báo cáo cho cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương và Tổng cục Thủy sản để có biện pháp xử lý.

3. Trường hợp phát hiện việc xâm hại hoặc nguy cơ xâm hại ở các quốc gia khác trên đối tượng thuỷ sản sống dùng làm thực phẩm đã được cấp phép nhập khẩu, cơ sở đăng ký nhập khẩu có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan quản lý nuôi trồng thuỷ sản địa phương và Tổng cục Thủy sản để có biện pháp xử lý báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 7. Vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, chế biến và tiêu thụ

1. Thuỷ sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm phải được vận chuyển, lưu giữ cách ly, bảo quản, chế biến, tiêu thụ trong điều kiện phù hợp với từng đối tượng thuỷ sản sống và không để thất thoát ra ngoài môi trường.

2. Trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, chế biến, tiêu thụ thủy sản sống dùng làm thực phẩm, tổ chức, cá nhân nhập khẩu có trách nhiệm kiểm tra, kiểm kê định kỳ. Kết quả kiểm tra, kiểm kê phải được lưu giữ trong hồ sơ ghi chép của cơ sở.

3. Không được gây nuôi, phát tán thủy sản sống dùng làm thực phẩm ra môi trường tự nhiên và môi trường nuôi trồng thuỷ sản.

4. Trường hợp xảy ra thất thoát trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, chế biến và tiêu thụ, tổ chức, cá nhân phải triển khai ngay các biện pháp để thu hồi tất cả số lượng thuỷ sản sống bị thất thoát và xử lý bằng biện pháp phù hợp, đồng thời chậm nhất trong vòng 2 ngày làm việc phải báo cáo cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương và Tổng cục Thủy sản.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 8. Tổng cục Thủy sản

1. Tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Chủ trì thực hiện đánh giá rủi ro, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro, định kỳ tổng hợp thông tin, đánh giá kết quả triển khai các biện pháp quản lý rủi ro trong nhập khẩu thuỷ sản sống dùng làm thực phẩm và đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.

3. Định kỳ 6 tháng 1 lần, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn việc thực hiện Thông tư này.

Điều 9. Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương

1. Tổ chức thực hiện Chương trình giám sát quản lý lô hàng thủy sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu trên địa bàn quản lý.

2. Định kỳ 6 tháng 1 lần thống kê và báo cáo Tổng cục Thủy sản việc thực hiện giám sát, quản lý các lô hàng thủy sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm trên địa bàn quản lý.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, phân phối, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, chế biến, tiêu thụ thủy sản sống dùng làm thực phẩm

1. Tuân thủ, chấp hành việc đăng ký, thực hiện quản lý rủi ro và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng theo các quy định tại Thông tư này.

2. Nộp phí, lệ phí theo quy định.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 11 / 5 /2015.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn hoặc phát sinh vấn đề mới, các tổ chức cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Tổng cục Thuỷ sản để tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Lãnh đạo Bộ NN và PTNT;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ NN và PTNT;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, TCTS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Vũ Văn Tám

Phụ lục I

CÁC TIÊU CHÍ ĐỂ ĐÁNH GIÁ RỦI RO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2015/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Khả năng tồn tại trong môi trường, vùng sinh thái Việt Nam

Stt	Các yếu tố môi trường	Cao nhất	Khoảng thích hợp	Thấp nhất
1	Nhiệt độ			
2	pH			
3	Ôxy			
4	Độ mặn			
5	…..			

Kết luận:

2. Khả năng trở thành vật dữ, xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại và khả năng cạnh tranh thức ăn đối với các loài bản địa

Stt	Các yếu tố đánh giá	Thông tin
1	Phổ thức ăn/tính ăn	
2	Tương đồng về tính ăn với loài thủy sản nào ở VN.	
3	Sức cạnh tranh thức ăn với các loài thủy sản bản địa.	
4	Khả năng săn bắt các loài thủy sản (có giá trị kinh tế) bản địa làm thức ăn.	
5	Đặc điểm sinh sản.	
6	Điều kiện sinh sản.	
7	Khả năng tự thiết lập quần thể trong tự nhiên.	
8	Khả năng phát tán, xâm chiếm nơi sinh sống của các loài bản địa.	
9	Xu hướng gây mất cân bằng sinh thái nơi xuất hiện.	

Kết luận:

3. Khả năng lai tạp của loài thủy sản nhập khẩu với loài thủy sản bản địa

Stt	Các yếu tố đánh giá	Thông tin
1	Cấu trúc di truyền (bộ nhiễm sắc thể) của loài thủy sản nhập khẩu.	
2	Tương đồng về cấu trúc di truyền với loài thủy sản bản địa nào.	
3	Khả năng bắt cặp sinh sản (cùng loài) ngoài tự nhiên và nhân tạo.	
4	Khả năng bắt cặp sinh sản (khác loài) ngoài tự nhiên và nhân tạo.	
5	Khả năng bắt cặp sinh sản của con lai F1 (giữa loài nhập khẩu và loài bản địa) ngoài tự nhiên và nhân tạo.	

Kết luận:

4. Nguy cơ phát tán mầm bệnh cho thủy sản bản địa, con người

Stt	Các yếu tố đánh giá	Thông tin
1	Các bệnh thường gặp và tác nhân gây bệnh ở loài thủy sản nhập khẩu.	
2	Các tác nhân gây bệnh này đã xuất hiện ở VN.	
3	Điều kiện phát triển của các tác nhân gây bệnh này.	
4	Khả năng lan truyền và gây bệnh cho các loài thủy sản bản địa của các tác nhân gây bệnh này.	
5	Khả năng lan truyền và gây bệnh cho người của các tác nhân gây bệnh này.	

Kết luận:

Phụ lục II

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO

CỦA Loài (tên khoa học của đối tượng đánh giá rủi ro)

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 11 /2015/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỔNG CỤC THỦY SẢN **HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ RỦI RO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ..... tháng .....năm .....

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO CỦA

Loài (tên khoa học của đối tượng đánh giá rủi ro)

I. Thông tin chung

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký:
   - Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:
   - Người đại diện tổ chức, cá nhân:
   - Đầu mối liên lạc của tổ chức, cá nhân:
   - Địa chỉ:
   - Điện thoại: Fax: Email:
2. Loài thủy sản đánh giá rủi ro
   - Tên thông thường:
   - Tên Khoa học:
   - Tên thương mại:
   - Vị trí phân loại:
3. Hội đồng đánh giá rủi ro

   Hội đồng đánh giá rủi ro gồm ..... thành viên, cụ thể như sau:

   1. Ông/bà .....
   2. Ông/bà.....
   3. Ông/bà .....
   .....

   Ngoài ra, có sự tham gia của đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký đánh giá rủi ro (ghi rõ tên đại diện).

II. Thông tin về loài thủy sản đánh giá rủi ro

(Tóm tắt các ý kiến phát biểu, trả lời về loài thủy sản đánh giá rủi ro)

III. Đánh giá những tác động bất lợi có thể xảy ra đối với đa dạng sinh học, môi trường và con người của loài thủy sản thực hiện đánh giá rủi ro

.....

IV. Đề xuất biện pháp quản lý rủi ro

.....

V. Kết luận và Kiến nghị

1. Kết luận

Căn cứ vào tài liệu và các thông tin khoa học, kết luận:

- Loài thủy sản ..... đủ điều kiện nhập khẩu dùng làm thực phẩm.
- Loài thủy sản ..... không đủ điều kiện nhập khẩu dùng làm thực phẩm.

2. Kiến nghị

Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung loài thủy sản .... vào Danh mục các loài thủy sản sống được phép nhập khẩu làm thực phẩm.

....., Ngày .... tháng ....năm .....

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)